

Bản án số: 54/2018/DS-ST

Ngày: 07/10/2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi

2. Ông Nguyễn Cửu Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 87/QĐXX-ST ngày 13/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (A)

Địa chỉ: Đường C, phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H

Văn bản ủy quyền số 87/UQ-QLN.19 ngày 25/02/2019.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Quang K

Địa chỉ: Chung cư E, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn Ông Lê Quang K vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản khai, biên bản hòa giải nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần A trình bày:

A đã cấp tín dụng cho Ông Lê Quang K số 5593120000005189 ngày 24/01/2013 (bao gồm Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, biểu phí thẻ tín dụng) chi tiết như sau:

Thẻ chính: Chủ thẻ Ông Lê Quang K

Số thẻ : 5593 1200 0000 5189
 Ngày cấp : 24/01/2013
 Hạn mức thẻ : 200.000.000 (hai trăm triệu đồng)
 Hiệu lực thẻ : 36 tháng – Thẻ tín chấp

Lãi suất trong hạn, phí, phạt, lãi suất quá hạn: theo Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A và biểu phí thẻ tín dụng (Quy định tại điều 5.5).

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tính đến ngày 23/09/2016 Ông Lê Quang K đã thực hiện các giao dịch rút tiền mặt và mua hàng với tổng số tiền là 914.000.292 đồng, do chủ thẻ không thanh toán đầy đủ cho A theo Thông báo giao dịch hàng tháng, nên phát sinh dư nợ là 142.154.814 đồng (gồm phí là 6.532.662 đ, phạt chậm trả là 9.025.590 đ, lãi trong hạn là 126.596.562 đ), tổng cộng dư nợ là 1.056.155.106 đồng (914.000.292 đ + 142.154.814 đ). Tính đến ngày 08/08/2016, chủ thẻ có thanh toán cho A số tiền là 812.082.357 đồng, sau đó chủ thẻ không thanh toán nợ cho A.

Căn cứ quy định tại điều 5.2 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 01/06/2010 thì tất cả giao dịch thẻ, phí, lãi, phạt phát sinh trong kỳ mà khách hàng chưa thanh toán thì Ngân hàng nhập vào số dư nợ đầu kỳ tiếp theo, căn cứ điều 10.1 thì “sau khi đến ngày thanh toán mà chủ thẻ không thanh toán tối thiểu thì A sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định của A. Vì vậy, ngày 08/08/2016 A đã chuyển toàn bộ số tiền nợ 244.072.749 đồng (1.056.155.106 đ – 812.082.357 đ) sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn là 40.5%/năm. Sau khi chuyển nợ quá hạn, ngày 24/08/2016, khách hàng có thanh toán 34.990 đ. Tính đến ngày 07/10/2019, Ông Lê Quang K còn nợ A các khoản sau:

Vốn : 244.037.759 đồng
 Lãi quá hạn : 307.785.150 đồng
 Tổng cộng : 551.822.909 đồng

2/ Ngày 21/10/2010 A cấp cho Ông Lê Quang K thẻ tín dụng số 4365 9910 0000 0654 (thẻ cũ). Ngày 26/07/2011 ông K báo thẻ bị lỗi do máy ATM, vì vậy A đã cấp lại mang số mới là 4365 9910 0001 9530 (thẻ mới) và kích hoạt thẻ ngày 14/08/2011, do sử dụng thẻ nhiều lần và không bảo quản tốt thẻ nên ngày 07/11/2013 A đã thay thẻ mới và kích hoạt thẻ 4365 9910 0001 9530 (thẻ mới), (bao gồm Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, biểu phí thẻ tín dụng) chi tiết như sau:

Thẻ chính: Chủ thẻ Ông Lê Quang K
 Số thẻ : 4365 9910 0000 0654 (thẻ cũ) - 4365 9910 0001 9530 (thẻ mới)
 Hạn mức thẻ : 200.000.000 (hai trăm triệu đồng)
 Hiệu lực thẻ : 36 tháng – Thẻ tín chấp

Lãi suất trong hạn, phí, phạt, lãi suất quá hạn: theo Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A và biểu phí thẻ tín dụng (Quy định tại điều 5.5).

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tính đến ngày 24/08/2016 Ông Lê Quang K đã thực hiện các giao dịch rút tiền mặt và mua hàng với tổng số tiền là

1.464.319.103 đồng, do chủ thẻ không thanh toán đầy đủ cho A theo Thông báo giao dịch hàng tháng, nên phát sinh dư nợ là 294.798.462 đồng (gồm phí là 27.456.862 đ, phạt chậm trả là 24.307.298 đ, lãi trong hạn là 243.034.302 đ), tổng cộng dư nợ là 1.759.117.565 đồng (1.464.319.103 đ + 294.798.462 đ). Tính đến ngày 08/08/2016, chủ thẻ có thanh toán cho A số tiền là 1.507.350.160 đồng, sau đó chủ thẻ không thanh toán nợ cho A.

Căn cứ quy định tại điều 5.2 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 01/06/2010 thì tất cả giao dịch thẻ, phí, lãi, phạt phát sinh trong kỳ mà khách hàng chưa thanh toán thì Ngân hàng nhập vào số dư nợ đầu kỳ tiếp theo, căn cứ điều 10.1 thì “ sau khi đến ngày thanh toán mà chủ thẻ không thanh toán tối thiểu thì A sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định của A. Vì vậy, ngày 08/08/2016 A đã chuyển toàn bộ số tiền nợ 251.767.405 đồng (1.759.117.565 đ – 1.507.350.160 đ) sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn là 40.5%/năm. Sau khi chuyển nợ quá hạn, ngày 23/09/2016 đến 23/12/2016, khách hàng có thanh toán 89.989 đ.

Tính đến ngày 07/10/2019, Ông Lê Quang K còn nợ A các khoản sau:

Vốn : 251.677.416 đồng

Lãi quá hạn : 317.431.270 đồng

Tổng cộng : 569.108.686 đồng

Như vậy, tính đến ngày 21/08/2019, Ông Lê Quang K còn nợ A các khoản nợ từ hai thẻ tín dụng nêu trên như sau:

Vốn : 495.715.175 đồng

Lãi quá hạn : 625.216.420 đồng

Tổng cộng : 1.120.931.595 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ một trăm hai mươi triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm chín lăm đồng)

Hôm nay tại Tòa, A yêu cầu ông Lê Quang K trả cho A tổng dư nợ thẻ tín dụng còn thiếu (gồm vốn, lãi quá hạn) tính đến ngày 07/10/2019 là 1.120.931.595 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ một trăm hai mươi triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm chín lăm đồng*), trả ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, biểu phí thẻ tín dụng kể từ ngày 07/10/2019 đến ngày Ông Lê Quang K trả dứt nợ.

Bị đơn Ông Lê Quang K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của ông K đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Ông Lê Quang K không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Ngân hàng TMCP Á Châu. Buộc Ông Lê Quang K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 07/10/2019 tổng cộng số tiền là 1.120.931.595 đồng (Bằng chữ: Một tỷ một trăm hai mươi triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm chín lăm đồng); (trong đó: tiền vốn gốc là 495.715.175 đồng , tiền lãi quá hạn là 625.216.420 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (A) khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông Lê Quang K nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ngày 11/12/2018, Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh thụ lý vụ án số 2142/2018/DSST, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A với ông Lê Quang K có địa chỉ tại đường P, phường M, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả trả lời tại Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 56/2019 ngày 07/01/2019 của Công an phường M, quận Bình Thạnh cho biết: Đương sự Lê Quang K, sinh năm 1973 trước đây có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đường P, phường M, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 4/2014 chuyển HKTT về Chung cư E, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả trả lời tại Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 436/2019 ngày 18/3/2019, Công an phường A, Quận 2 cho biết: Ông Lê Quang K có đăng ký thường trú và thực tế cư trú tại Chung cư E, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án nêu trên đến Tòa án nhân dân Quận 2 giải quyết theo thẩm quyền theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ bằng việc niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn Ông Lê Quang K tại 03 (Ba) nơi: Nơi cư trú của ông K tại Chung cư E, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; trụ sở Ủy ban nhân dân phường A, Quận 2 và tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, thời gian niêm yết văn bản tố tụng là 15 ngày kể từ ngày niêm yết, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 11/6/2019, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 136/2019/TB-TA ngày 22/5/2019; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 28/6/2019 để cung cấp lời khai.

- Lần 2: Ngày 11/7/2019, niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 08/7/2019 và Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 29/07/2019 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Lần 3: Ngày 01/8/2019, niêm yết Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Giấy triệu tập đương

sự đến Tòa án vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 21/8/2019 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Lần 4: Ngày 27/8/2019 niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2019/QĐST-DS ngày 26/8/2019 và Giấy triệu tập vào lúc 9 giờ 00 phút ngày 13/9/2019 để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm.

- Lần 5: Ngày 17/9/2018 niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2019/QĐST-DS ngày 13/9/2019 và Giấy triệu tập vào lúc 9 giờ 00 phút ngày 07/10/2018 để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm.

Trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, Ông Lê Quang K đều vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn- Ngân hàng TMCP A có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án:

Tòa án nhân dân Quận 2 tiến hành thủ tục niêm yết công khai về việc khởi kiện của Ngân hàng và việc triệu tập của Tòa án cho ông K đến cung cấp lời khai, tham dự các phiên họp, phiên tòa nhưng ông K không có văn bản phản đối, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không thuộc trường hợp phải chứng minh. Ông Lê Quang K phải chịu trách nhiệm về yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà Ngân hàng TMCP A đưa ra.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có cơ sở xác định:

Theo Tờ trình ngày 15/01/2013 về việc phát hành Thẻ tín dụng A World MasterCard cho ban lãnh đạo A, quy định về đối tượng (có danh sách kèm theo). Thời điểm cấp thẻ Ông Lê Quang K là phó giám đốc khối. Do đó A đã cấp tín dụng cho Ông Lê Quang K số thẻ 5593120000005189 ngày 24/01/2013 (bao gồm Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, biểu phí thẻ tín dụng). Ngày 21/10/2010 A cấp cho Ông Lê Quang K thẻ tín dụng số 4365 9910 0000 0654 (thẻ cũ). Ngày 26/07/2011 ông K báo thẻ bị lỗi do máy ATM, vì vậy A đã cấp lại mang số mới là 4365 9910 0001 9530 (thẻ mới) và kích hoạt thẻ ngày 14/08/2011, do sử dụng thẻ nhiều lần và không bảo quản tốt thẻ nên ngày 07/11/2013 A đã thay thẻ mới và kích hoạt thẻ 4365 9910 0001 9530 (thẻ mới), (bao gồm Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, biểu phí thẻ tín dụng). Ngày 14/8/2014, ông K đã nhận được thẻ. Như vậy, thỏa thuận này không trái quy định pháp luật nên là căn cứ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Đối với việc Ngân hàng yêu cầu Ông Lê Quang K thanh toán số nợ tiền là 1.120.931.595 đồng (Bằng chữ: Một tỷ một trăm hai mươi triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm chín lăm đồng); (trong đó: tiền vốn gốc là 495.715.175 đồng, tiền lãi quá hạn là 625.216.420 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A là tổ chức tín dụng được phép kinh doanh tiền tệ, căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì các tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng. Căn cứ vào Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày

01/06/2010; Quyết định số 1327/NVQĐ-TTT ngày 11/11/2011 về việc điều chỉnh lãi suất đối với thẻ tín dụng trả trước và các Thông báo về việc điều chỉnh lãi suất. Lãi suất được Ngân hàng sử dụng để tính lãi đối với các khoản nợ của Ông Lê Quang K là phù hợp với quy định.

Đối với thẻ số 5593 1200 0000 5189: Theo bảng kê chi tiết quá trình sử dụng thì từ ngày tính đến ngày 23/09/2016 Ông Lê Quang K đã thực hiện các giao dịch rút tiền mặt và mua hàng với tổng số tiền là 914.000.292 đồng, do ông K không thanh toán đầy đủ cho A theo thông báo giao dịch hàng tháng, nên phát sinh dư nợ là 142.154.814 đồng (gồm phí là 6.532.662 đồng, phạt chậm trả là 9.025.590 đồng, lãi trong hạn là 126.596.562 đồng), tổng cộng dư nợ là 1.056.155.106 đồng (914.000.292 đồng + 142.154.814đồng). Tính đến ngày 08/08/2016, chủ thẻ có thanh toán cho A số tiền là 812.082.357 đồng, sau đó chủ thẻ không thanh toán nợ cho A.

Căn cứ quy định tại điều 5.2 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 01/06/2010 thì tất cả giao dịch thẻ, phí, lãi, phạt phát sinh trong kỳ mà khách hàng chưa thanh toán thì Ngân hàng nhập vào số dư nợ đầu kỳ tiếp theo, căn cứ điều 10.1 thì “sau khi đến ngày thanh toán mà chủ thẻ không thanh toán tối thiểu thì A sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định của A. Vì vậy, ngày 08/08/2016 A đã chuyển toàn bộ số tiền nợ 244.072.749 đồng (1.056.155.106 đ – 812.082.357 đ) sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn là 40.5%/năm. Sau khi chuyển nợ quá hạn, ngày 24/08/2016, ông K có thanh toán 34.990 đồng. Tính đến ngày 07/10/2019, ông K còn chưa thanh toán số tiền là 551.822.909 đồng (trong đó tiền vốn gốc là 244.037.759 đồng, tiền lãi quá hạn 307.785.150 đồng). Như vậy, ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông K thanh toán số tiền 551.822.909 đồng có cơ sở chấp nhận.

Đối với thẻ số 4365 9910 0000 0654 (thẻ cũ) - 4365 9910 0001 9530 (thẻ mới). Theo bảng kê chi tiết quá trình sử dụng thì tính đến ngày 24/08/2016 Ông Lê Quang K đã thực hiện các giao dịch rút tiền mặt và mua hàng với tổng số tiền là 1.464.319.103 đồng, do chủ thẻ không thanh toán đầy đủ cho A theo Thông báo giao dịch hàng tháng, nên phát sinh dư nợ là 294.798.462 đồng (gồm phí là 27.456.862 đ, phạt chậm trả là 24.307.298 đ, lãi trong hạn là 243.034.302 đ), tổng cộng dư nợ là 1.759.117.565 đồng (1.464.319.103 đ + 294.798.462 đ). Tính đến ngày 08/08/2016, chủ thẻ có thanh toán cho A số tiền là 1.507.350.160 đồng, sau đó chủ thẻ không thanh toán nợ cho A.

Căn cứ quy định tại điều 5.2 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 01/06/2010 thì tất cả giao dịch thẻ, phí, lãi, phạt phát sinh trong kỳ mà khách hàng chưa thanh toán thì Ngân hàng nhập vào số dư nợ đầu kỳ tiếp theo, căn cứ điều 10.1 thì “sau khi đến ngày thanh toán mà chủ thẻ không thanh toán tối thiểu thì A sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định của A. Vì vậy, ngày 08/08/2016 A đã chuyển toàn bộ số tiền nợ 251.767.405 đồng (1.759.117.565 đ – 1.507.350.160 đ) sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn là 40.5%/năm. Sau khi chuyển nợ quá hạn, ngày 23/09/2016 đến 23/12/2016, khách hàng có thanh toán 89.989 đ. Tính đến ngày 07/10/2019 ông K còn nợ của Ngân hàng A

số tiền 569.108.686 đồng (trong đó số tiền vốn là 251.677.416 đồng, tiền lãi quá hạn là 317.431.270 đồng). Như vậy, ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông K thanh toán số 569.108.686 đồng đồng có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đầy đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A buộc ông K phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng cộng số tiền trên 02 thẻ tín dụng tính đến ngày 07/10/2019 là 1.120.931.595 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ một trăm hai mươi triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm chín lăm đồng*); (trong đó tiền vốn là 495.715.175 đồng, tiền lãi quá hạn là 625.216.420 đồng). Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 về giải quyết nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Ông Lê Quang K phải chịu tiền án phí là 45.627.948 đồng (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng). Ngân hàng TMCP Á Châu không phải chịu án phí. Hoàn lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.423.000 (mười chín triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0005859 do Chi cục thi hành án dân sự Quận Bình Thạnh lập ngày 05/12/2018.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

1. Buộc Ông Lê Quang K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 07/10/2019 tổng cộng số tiền là 1.120.931.595 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ một trăm hai mươi triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm chín lăm đồng*); (trong đó: tiền vốn gốc là

495.715.175 đồng , tiền lãi quá hạn là 625.216.420 đồng). Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Lê Quang K còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/10/2019 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 45.627.948 đồng (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng) Ông Lê Quang K phải chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.423.000 (mười chín triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0005859 do Chi cục thi hành án dân sự Quận Bình Thạnh lập ngày 05/12/2018. Ông Lê Quang K chưa nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Quang K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 2;
- THADS Quận 2;
- TATP;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Nga